TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 03/8/2021
V/v Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Trường Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình

2. Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên toà*:** Bà Tiêu Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 118/2021/TLST-HNGĐ ngày 18/5/2021 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/7/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị L, sinh năm 1993 (vắng mặt)

ĐKHKTT: Thôn N, xã C, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ: Đội 8, xã V, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng:

- Bà Lê Hồng X, sinh năm 1954; Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1960; Địa chỉ: Đội 8, xã V, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn trình bày

như sau: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 18/10/2018 tại UBND xã C, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau, anh T thường xuyên đi qua đêm, không quan tâm đến gia đình. Khi chị L góp ý thì anh T lại đánh, chửi và xúc phạm chị L. Vì vậy, chị L đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Phú Thọ sống. Hai bên sống L thân từ tháng 5/2021, không ai quan tâm đến ai mà không có biện pháp nào cải thiện tình cảm giữa hai người. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị L làm đơn xin ly hôn anh T.

- Theo biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, bị đơn trình bày như sau: Xác định việc kết hôn như chị L trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T chưa có việc làm ổn định, hay đi hát ở quán xá nên chị L ghen tuông, nghi ngờ anh có quan hệ với người khác. Từ đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị L đã nhiều lần bỏ về nhà mẹ đẻ sống. Hai bên sống L thân đã lâu. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh T nhất trí ly hôn.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn đều xác định có 01 con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 16/4/2019. Khi ly hôn, anh T và chị L đều có nguyện vọng nuôi con chung.

Về tài sản, công sức, nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn nhất trí ly hôn và xin được nuôi con chung.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự: Về quan hệ hôn nhân, xử chị L ly hôn anh T. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 16/4/2019 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và nghe ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; những người làm chứng vắng mặt và đều có ý kiến đề nghị xử vắng

mặt. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, người làm chứng theo quy định tại Điều 227, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Chế, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời khai của đương sự và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, HĐXX thấy rằng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau, thường xuyên cãi vã thậm chí đánh nhau. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng vợ chồng không thể quay lại đoàn tụ. Hiện nay, hai bên sống L thân, không ai quan tâm đến ai. Bản thân anh T cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Như vậy tình trạng hôn nhân của anh T và chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử chị L ly hôn anh T là phù hợp quy định pháp luật.

[3]. Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị L, anh T có 01 con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 16/4/2019. Khi ly hôn, cả hai bên đều xin được nuôi con và có đủ điều kiện, khả năng về kinh tế, chỗ ở để đảm bảo việc nuôi con. Tuy nhiên, cháu K còn quá nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ. Mặt khác tính đến ngày xét xử, cháu K dưới 36 tháng tuổi nên về nguyên tắc cần giao con chung cho người mẹ nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản, công sức, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Phan Thị L ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 16/4/2019 chị Phan Thị L nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0003780 ngày 18/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; chị L đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã Cẩm Chế, huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Trường Giang